

Số: 4236 /QĐ-HVN

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2018

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động  
của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên  
Giáo dục Nông nghiệp Việt Nam

### GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;  
Căn cứ Điều lệ trường đại học được ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ;  
Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;  
Căn cứ Quyết định số 873/QĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Học viện Nông nghiệp Việt Nam giai đoạn 2015 - 2017;  
Căn cứ Quyết định số 1026/QĐ-BNN-TCCB ngày 13 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Nông nghiệp Việt Nam;  
Căn cứ Quyết định số 4288/QĐ-HVN ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam về việc thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Giáo dục Nông nghiệp Việt Nam;  
Xét đề nghị của Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Giáo dục Nông nghiệp Việt Nam (tại Tờ trình số 39/TTr-GDNNVN đề ngày 13 tháng 11 năm 2018) và theo đề nghị của Trưởng ban Tổ chức cán bộ,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Giáo dục Nông nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 4289/QĐ-HVN ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam như sau:

1. Bổ sung Điều 1 như sau:

"3. Địa chỉ địa điểm kinh doanh: Ngõ 64, phố Ngô Xuân Quảng, Thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội."

2. Thay thế danh mục ngành nghề kinh doanh tại Điều 5 như sau:

"

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng cây hàng năm khác	0119
2.	Trồng cây ăn quả	0121
3.	Trồng cây lâu năm khác	0129
4.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
5.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
6.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
7.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
8.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
9.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
10.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
11.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
12.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
13.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
14.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
15.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
16.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
17.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
18.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
19.	In ấn	1811
20.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
21.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
22.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
23.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
24.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
25.	Bán buôn thực phẩm	4632
26.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
27.	Bán buôn tổng hợp	4690
28.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721

STT	Tên ngành	Mã ngành
29.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
30.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
31.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
32.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Chi tiết:</i> - Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ vàng miếng, vàng nguyên liệu) - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
33.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ	4781
34.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
35.	Bán lẻ hàng hoá khác lưu động hoặc tại chợ <i>Chi tiết:</i> - Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ. - Bán lẻ hàng gốm sứ, thủy tinh lưu động hoặc tại chợ. - Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh lưu động hoặc tại chợ. - Bán lẻ động vật cảnh và thức ăn cho động vật cảnh.	4789
36.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
37.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
38.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
39.	Cơ sở lưu trú khác	5590
40.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
41.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621

STT	Tên ngành	Mã ngành
42.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
43.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
44.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
45.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết:</i> - Hoạt động phiên dịch. - Tư vấn về nông học. - Tư vấn về môi trường.	7490
46.	Hoạt động thú y	7500
47.	Cho thuê xe có động cơ	7710
48.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
49.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
50.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
51.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
52.	Đại lý du lịch	7911
53.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
54.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
55.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
56.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
57.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Trừ hoạt động của các nhà báo độc lập)	9000
58.	Hoạt động thư viện và lưu trữ	9101
59.	Hoạt động bảo tồn, bảo tàng	9102
60.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
61.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
62.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213

STT	Tên ngành	Mã ngành
63.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
64.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
65.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	7222
66.	Giáo dục nhà trẻ	8511
67.	Giáo dục mẫu giáo	8512
68.	Giáo dục tiểu học	8521
69.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
70.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
71.	Đào tạo sơ cấp	8531
72.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Trừ các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể và dạy về tôn giáo)	8559
73.	Quảng cáo	7310
74.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Kinh doanh khu du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí (không bao gồm kinh doanh dịch vụ quán bar, karaoke, vũ trường), bể bơi, thể dục thể thao: bóng bàn, tennis, cầu lông, bi a.</i>	9329
75.	Hoạt động thể thao khác	9319
76.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
77.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
78.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
79.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
80.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
81.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
82.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
83.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
84.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
85.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
86.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931

STT	Tên ngành	Mã ngành
87.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh</i>	8299
88.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
89.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hợp báo)	8230

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

**" Điều 11. Nghĩa vụ của Công ty**

1. Quản lý, sử dụng đất đai, tài sản, nhân lực, vốn và các nguồn lực khác đúng mục đích Học viện giao. Bảo toàn và phát triển vốn, tài sản và các nguồn lực của Học viện đầu tư vào Công ty.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định tại Điều lệ này, các quy định của Học viện và các quy định của pháp luật.

3. Định kỳ 6 tháng và hàng năm báo cáo kết quả hoạt động, sản xuất kinh doanh của Công ty và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Học viện.

4. Thực hiện kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước và các quy định của pháp luật.

5. Xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển dài hạn và hàng năm.

6. Ban hành và thực hiện các quy định, quy chế, kế hoạch quản lý nội bộ theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện đầy đủ chế độ quản lý, hạch toán, thống kê, kế toán, kiểm toán vốn, tài sản, các quỹ và chính sách thuế, tài chính theo quy định.

8. Thực hiện chế độ quản lý, báo cáo tài chính năm với Học viện và các chế độ báo cáo với các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện đầy đủ các thủ tục, quy trình quản lý hành chính, về tuyển dụng, sử dụng lao động và chế độ cho người lao động; có sổ sách theo dõi việc ban hành, lưu trữ toàn bộ văn bản, danh mục tài sản, quản lý tài chính và công tác kế toán theo chế độ kế toán hiện hành của Nhà nước.

10. Cung cấp hàng hóa, dịch vụ đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn.

11. Chấp hành đầy đủ các quy định chế độ kiểm tra, giám sát của Học viện, Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo các quy định tại Điều lệ này, quy định của Học viện và các quy định của pháp luật.

12. Cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, yêu cầu của lãnh đạo Học viện, Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên khi các tổ chức, cá nhân này thực hiện quyền thanh tra, kiểm tra, giám sát tại Công ty.

13. Nghiêm túc tổ chức việc thực hiện công tác đảm bảo trật tự, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ khi thi công các công trình và trong quá trình vận hành, khai thác các hạng mục công trình khi đưa vào sử dụng.

14. Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ em khi sử dụng các dịch vụ vui chơi, đảm bảo đầy đủ phương tiện cứu hộ, cứu nạn cần thiết khi xảy ra sự cố; an toàn thực phẩm vệ sinh thực phẩm tại các khu vực nhà hàng, chịu trách nhiệm trước pháp luật về nguồn thực phẩm sử dụng trong nhà hàng.

15. Nộp lợi nhuận theo quyết định của Học viện và nghĩa vụ với nhà nước theo quy định.

16. Tuân thủ Điều lệ Công ty.

17. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Học viện."

**Điều 2.** Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo Khoản 1, Khoản 2, Điều 1 của Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2137/QĐ-HVN ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Học viện, Trưởng ban Tổ chức cán bộ, Trưởng ban Tài chính và Kế toán, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Giáo dục Nông nghiệp Việt Nam và Trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ NN và PTNT (để b/c);
- Lưu: VT, TCCB, LT(10).



Nguyễn Thị Lan

